**TIÊU CHÍ VÀ THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN   
XÂY DỰNG “TRƯỜNG HỌC XANH”**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số: 1618 /TB-GDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Phòng GD&ĐT thành phố Thủ Đức về tổ chức*

*Hội thi “Trường học Xanh” năm 2021 – 2022)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Thang điểm đánh giá** |
| **1** | **Nhóm các tiêu chí về quản trị** | **10 điểm** |
|  | * Có kế hoạch thực hiện cụ thể *(xác định mục tiêu, các giải pháp phù hợp, tiến độ thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể và cử cán bộ, giáo viên, CNV phụ trách chương trình)* * Có hình thức theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các giải pháp, hoạt động bảo vệ môi trường của trường * Có thành lập các đội/nhóm học sinh nòng cốt tham gia thực hiện Chương trình *(đối với các trường THPT)* * Có hình thức giám sát, khen thưởng GV, CBCNV, học sinh tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường |  |
| **2** | **Nhóm các tiêu chí về bảo vệ môi trường tại trường** | **50 điểm** |
| 2.1 | ***Giữ gìn vệ sinh môi trường***   * Khu vực sân trường sạch, không rác * Khu vực lớp học sạch, không rác * Khu vực căn tin, bếp ăn sạch, không rác * Khu vực nhà vệ sinh sạch, không rác, không mùi khó chịu * Khu vực (vỉa hè) trước cổng và xung quanh trường sạch, không rác * Khu vực lưu chứa rác sạch, không nước rò rỉ, không mùi khó chịu | 15 |
| 2.2 | ***Quản lý chất thải rắn***   * Có bố trí hệ thống thùng chứa phân loại chất thải rắn sinh hoạt (tại lớp học, văn phòng, sân trường, bếp ăn, căn tin...) với nhãn dán dễ nhận biết, quy cách, số lượng và vị trí bố trí thùng rác phù hợp với tình hình phát sinh chất thải tại trường và theo quy định. * Có bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn phù hợp và theo quy định * Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại đúng *(kết quả phân loại thực tế)* * Có các sáng kiến, giải pháp giảm chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải *(vd: giải pháp hạn chế sử dụng nước đóng chai, tiết kiệm giấy, tái sử dụng tái chế chất thải làm đồ dụng vật dụng tại lớp, đồ dùng dạy học...)* * *Có giải pháp giảm sử dụng túi ni-lông và sản phẩm nhựa dùng một lần* | 15 |
| 2.3 | ***Phát triển mảng xanh***   * Có các sáng kiến, giải pháp phát triển mảng xanh trong khuôn viên trường phù hợp nhu cầu hoạt động của trường, hài hòa với không gian chung và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của trường * Có tổ chức các hoạt động chăm sóc và bảo vệ mảng trong khuôn viên trường | 10 |
| 2.4 | ***Tiết kiệm năng lượng***   * Có theo dõi lượng điện sử dụng và đánh giá hiệu quả trong tiết kiệm điện *(dựa trên lượng điện tiêu thụ)* * Có các sáng kiến, giải pháp khác về tiết kiệm năng lượng *(các giải pháp thông thoáng, lấy gió, lấy sáng tự nhiên, sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, sử dụng năng lượng mặt trời…)* | 5 |
| 2.5 | ***Tiết kiệm nước***   * Có theo dõi lượng nước sử dụng và đánh giá hiệu quả trong tiết kiệm nước *(dựa trên lượng nước tiêu thụ)* * Có các sáng kiến, giải pháp khác về tiết kiệm nước *(tái sử dụng nước, sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước, giải pháp hạn chế rò rỉ, thất thoát nước…)* | 5 |
| **3** | **Nhóm các tiêu chí về giáo dục và truyền thông về bảo vệ môi trường** | **40 điểm** |
| 3.1 | * Có tích hợp/lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào các môn học ở các cấp lớp | 10 |
| 3.2 | * Có tổ chức các hoạt động truyền thông về bảo vệ môi trường *(trong sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt lớp, hội thi, câu lạc bộ/đội/nhóm môi trường, bản tin…)* | 10 |
| 3.3 | * Có các quy định/chỉ dẫn cụ thể về giữ gìn vệ sinh, phân loại rác, tiết kiệm điện, nước, tài nguyên và được phổ biến tới giáo viên và học sinh | 10 |
| 3.4 | * Có các hình thức thông tin đến học sinh và phụ huynh về Chương trình xây dựng “Trường học Xanh” của trường | 5 |
| 3.5 | * Có tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường của của địa phương, thành phố | 5 |